

令和 6 年 11 月

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	北島 康弘	放流水の有無	有

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	52.7 t	7.36	3.0 cm	16.0 °C	
放流量	53.4 t	7.46	50.0 cm	16.0 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	286 KWH	3,806 KWH	4.84 t	
日平均使用量	9.2 KWH	122.8 KWH	0.16 t	

項目	一次破碎不燃		二次破碎不燃		破碎不適物		焼却残渣		ビン・缶残渣		プラ残渣	
月計	5台	2.28t	16台	30.16t	25台	18.89t	6台	47.29t	1台	3.03t		
前月累計	62台	23.90t	161台	314.07t	221台	155.32t	20台	153.36t	11台	21.97t		
年度計	67台	26.18t	177台	344.23t	246台	174.21t	26台	200.65t	12台	25.00t		

小計	
月計	53台 101.65 t
前月累計	475台 668.62 t
年度計	528台 770.27 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)	
月計	0.44 t	53台	102.09 t
前月累計	0.40 t	475台	669.02 t
年度計	0.84 t	528台	771.11 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	8台	254 m ³
前月累計	207台	1,672 m ³
年度計	215台	1,926 m ³

項目	日
搬入日数	15
日平均搬入数量	6.78 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	73.89 t	59台	スケール分散剤	20.00 kg
5	118.90 t	88台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	96.15 t	69台	凝集助剤 ポリマ	1.00 kg
7	100.96 t	65台	固形塩素剤	3.00 kg
8	97.46 t	68台	脱水助剤 104	1.00 kg
9	84.88 t	57台	脱水助剤 94b	kg
10	96.78 t	69台	アワゼロン	kg
11	102.09 t	53台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	3.50 m ³
			脱水ケーキ量	0.44 t
計	771.11 t	528台	脱水機運転時間	4:00 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	雨	7 °C	11 °C	3 °C
2		°C	°C	°C
3		°C	°C	°C
4		°C	°C	°C
5	曇	6 °C	10 °C	3 °C
6	晴/曇	4 °C	8 °C	-1 °C
7	曇/雨	1 °C	2 °C	-1 °C
8	曇	2 °C	3 °C	1 °C
9		°C	°C	°C
10		°C	°C	°C
11	晴	10 °C	12 °C	3 °C
12	曇	2 °C	10 °C	-1 °C
13	曇/晴	3 °C	6 °C	1 °C
14	晴	2 °C	9 °C	-2 °C
15	曇	6 °C	10 °C	2 °C
16		°C	°C	°C
17		°C	°C	°C
18	曇/雪	2 °C	3 °C	-2 °C
19	曇	-1 °C	3 °C	-3 °C
20	曇	-1 °C	6 °C	-5 °C
21	晴	3 °C	8 °C	-1 °C
22	晴/曇	1 °C	6 °C	-2 °C
23		°C	°C	°C
24		°C	°C	°C
25	曇/晴	1 °C	5 °C	-3 °C
26	曇	-2 °C	7 °C	-3 °C
27	曇/晴	8 °C	11 °C	4 °C
28	晴/曇	3 °C	6 °C	1 °C
29	曇	1 °C	4 °C	-1 °C
30		°C	°C	°C